

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 157
đoạn Vạn Hòa - Phong Hải (Km1+000 - Km24+800)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 10/12/2025;

Căn cứ các Nghị định: số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 212/2026/NĐ-CP ngày 17/6/2026 của Chính phủ quy định về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng; số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 275/2025/NĐ-CP ngày 18/10/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 11/2026/QĐ-UBND ngày 29/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai Ban hành quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

Căn cứ Quyết định số 2164/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 157 đoạn Vạn Hòa - Phong Hải (Km1+000 - Km24+800);

Căn cứ Quyết định số 2662/QĐ-UBND ngày 15/6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 157 đoạn Vạn Hòa - Phong Hải (Km1+000 - Km24+800);

Căn cứ Văn bản số 5558/SXD-QLGT ngày 24/8/2026 của Sở Xây dựng về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 157 đoạn Vạn Hòa - Phong Hải (Km1+000 - Km24+800);

Căn cứ Văn bản số 6553/SXD-QLGT ngày 05/10/2026 của Sở Xây dựng về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 157 đoạn Vạn Hòa - Phong Hải (Km1+000 - Km24+800);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 480/TTr-SXD ngày 06/10/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 157 đoạn Vạn Hòa - Phong Hải (Km1+000 - Km24+800) với các nội dung sau:

1. Tên dự án: Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 157 đoạn Vạn Hòa - Phong Hải (Km1+000 - Km24+800).

2. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính của dự án: Dự án nhóm B, Công trình giao thông, Cấp IV.

3. Mã định danh: 1526411629700.

4. Địa điểm xây dựng dự án; vị trí xây dựng công trình; điểm đầu, điểm cuối và tóm tắt hướng tuyến công trình: phường Lào Cai, xã Phong Hải, tỉnh Lào Cai. Điểm đầu tuyến (Km1+800) giao với đường Phùng Hưng thuộc địa phận phường Lào Cai; điểm cuối tuyến (Km24+800) giao với Quốc lộ 70 tại Km172+645 (thuộc địa phận xã Phong Hải, tỉnh Lào Cai).

5. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai.

6. Chủ đầu tư: Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh Lào Cai.

7. Nhà thầu tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi; nhà thầu tư vấn thiết kế cơ sở trong Báo cáo nghiên cứu khả thi; nhà thầu khảo sát xây dựng: Công ty cổ phần tư vấn xây dựng giao thông Lào Cai. Mã số doanh nghiệp: 5300212646.

8. Mục tiêu dự án: Đầu tư cải tạo, nâng cấp các đoạn tuyến đường nhằm nâng cao hiệu quả khai thác tuyến đường, tăng cường đảm bảo an toàn giao thông, đáp ứng nhu cầu chuyên vận hàng hóa, đi lại của nhân dân trong khu vực, phục vụ công tác tuần tra biên giới đảm bảo quốc phòng, an ninh khu vực tuyến đường đi qua. Từng bước hoàn thiện mạng lưới giao thông theo quy hoạch.

9. Quy mô đầu tư xây dựng: Điểm đầu tuyến (Km1+800) giao với đường Phùng Hưng thuộc địa phận phường Lào Cai; điểm cuối tuyến (Km24+800) giao với Quốc lộ 70 tại Km172+645 (thuộc địa phận xã Phong Hải, tỉnh Lào Cai), bao gồm: Đường tỉnh 157 đoạn Vạn Hòa - Phong Hải đoạn Km1+800 - Km22+500 và đoạn tuyến kết nối từ đường tỉnh 157 đến Quốc lộ 70 (đoạn Km24+000 - Km24+800, đường tỉnh 157 cũ đã bàn giao cho Ủy ban nhân dân xã Phong Hải quản lý), không bao gồm đoạn tuyến thuộc dự án: Khắc phục ùn tắc do mưa lũ đường tỉnh 157 tại Km23+500. Chiều dài tuyến theo hồ sơ thiết kế là $L = 20,7\text{km}$.

a) Nền mặt đường: Tuyến được thiết kế nâng cấp, cải tạo theo tiêu chuẩn đường cấp IV-MN (TCVN 4054:2005) với các thông số chủ yếu như sau:

- Vận tốc thiết kế $V_{tk} = 40\text{km/h}$. Bán kính cong nằm nhỏ nhất $R_{min} = 60\text{m}$. Độ dốc dọc lớn nhất $I_{max} = 9\%$.

- Chiều rộng nền đường $B_{nền} = 7,5\text{m}$ (chưa bao gồm độ mở rộng trong đường cong); chiều rộng mặt đường $B_{mặt} = 6,5\text{m}$ (đã bao gồm lề gia cố như kết cấu mặt đường). Riêng đoạn Km23+647,83 - Km24+351,99 (dài 704m) thuộc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư Tổ dân phố số 2, thị trấn Nông trường Phong Hải: Thiết kế chiều rộng nền đường $B_{nền} = 17,5\text{m}$; chiều rộng mặt đường $B_{mặt} = 7,5\text{m}$; chiều rộng vỉa hè $B_{vh} = 2 \times 5\text{m} = 10\text{m}$.

- Kết cấu mặt đường thảm bê tông nhựa trên lớp móng cấp phối đá dăm, đảm bảo $E_{yc} \geq 130\text{Mpa}$.

- Nút giao, đường giao, lối rẽ: Thiết kế nút giao cùng mức, tổ chức giao thông tại các nút bằng vạch sơn, biển báo... Vuốt nối đảm bảo an toàn, êm thuận với các đường hiện có.

b) Hệ thống thoát nước

- Thoát nước dọc: Rãnh thoát nước dọc hình thang kích thước $120 \times 40 \times 40\text{cm}$, tại những vị trí nền đất yếu, thường xuyên đọng nước được gia cố bằng BTXM M200 bán lắp ghép. Đối với những đoạn đào qua nền đá cứng (đá cấp 3 trở lên) thiết kế rãnh tam giác, tạo phẳng bề mặt rãnh bằng BTXM M200 đổ tại chỗ dày trung bình 6cm.

- Thiết kế tấm bản đáy rãnh bằng BTCT tại các vị trí rãnh qua lối vào nhà dân. Các vị trí vào khu đông dân cư, đường ngang ... xây dựng rãnh dọc chịu lực dạng lắp ghép.

- Đoạn tuyến thiết kế theo quy hoạch: Thiết kế công hộp thu nước dọc kích thước $B \times H = 0,6 \times 0,8\text{m}$. Khoảng 30m đến 50m bố trí một hố ga thu nước. Cửa thu nước BTCT kết hợp van ngăn mùi. Tấm chắn rác bằng tấm grating mạ kẽm. Viên rãnh tam giác, viên bó vỉa hè được thiết kế BTXM M200 đúc sẵn.

- Thoát nước ngang: Tận dụng tối đa hệ thống thoát nước ngang đã có, tiến hành nối dài cho phù hợp với nền đường được mở rộng. Đối với các vị trí công hư

hông, không bảo đảm khả năng thoát nước được thay thế bằng cống mới, các cầu bản cũ trên tuyến được thay thế bằng cống hộp thoát nước để đảm bảo đủ chiều rộng nền đường. Thiết kế cống hộp BTCT 4x4m tại Km4+600 (nổi thượng lưu); cống hộp 2x2m tại Km12+716,54 và Km15+514,58; cống hộp 3x3m tại Km17+161,86; cống hộp 2x(3x2)m tại Km17+778,26; cống hộp 2x(3x2,5)m tại Km17+444,10; cống hộp 2x(3x3)m tại Km12+911,20 và Km13+247,47. Tải trọng thiết kế cống tròn: H30-XB80, cống hộp: HL93; tần suất thiết kế P= 4%.

- Thoát nước mái taluy: Thiết kế hệ thống rãnh cơ, bậc nước bằng BTXM M200 để thu thoát nước mái taluy và sườn dốc.

c) Công trình phòng hộ: Thiết kế hệ thống tường chắn bằng BTXM, rọ đá, ốp mái taluy, kè via BTXM... tại các vị trí nền đường hẹp và các vị trí cần đảm bảo ổn định nền đường.

d) Hệ thống an toàn giao thông, mốc lộ giới: Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống an toàn giao thông gồm hệ thống sơn kẻ đường, gờ giảm tốc, hộ lan, biển báo, cọc tiêu, cột Km, cọc mốc lộ giới... đảm bảo theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT và các quy định hiện hành.

10. Số bước thiết kế; danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng

a) Số bước thiết kế: 02 bước (Thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công).

b) Danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng: Có phụ lục kèm theo.

11. Tổng mức đầu tư: 315.000.000.000 đồng, trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: 48.750.000.000 đồng.

- Chi phí xây dựng: 237.673.884.364 đồng;

- Chi phí quản lý dự án: 4.248.073.000 đồng;

- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 9.768.677.000 đồng;

- Chi phí khác: 6.060.347.000 đồng;

- Chi phí dự phòng: 8.499.018.636 đồng.

12. Thời gian thực hiện dự án: 04 năm kể từ khi cấp có thẩm quyền phê duyệt đầu tư dự án.

13. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách trung ương + Ngân sách tỉnh.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng.

15. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên; phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

- Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên: Thực hiện cấp phép khai thác khoáng sản (vật liệu san lấp) ở khu vực có dự án đầu tư công trình (nếu có) và quản lý vật liệu xây dựng, đất đào đắp, vật liệu dư thừa theo đúng quy định của Luật Địa chất và Khoáng sản và các quy định của pháp luật hiện hành.

- Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Triển khai tuân thủ theo quy định hiện hành.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Chủ đầu tư có trách nhiệm: Tổ chức thực hiện dự án theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng và các quy định pháp luật liên quan; Tiếp tục tổ chức kiểm tra, rà soát, tiếp thu, hoàn thiện các ý kiến thẩm định của các cơ quan liên quan đối với dự án và các nội dung lưu ý tại văn bản thông báo kết quả thẩm định của Cơ quan chủ trì thẩm định để tổ chức lập khảo sát, thiết kế, thẩm tra, thẩm định, phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt đảm bảo phù hợp với quy hoạch, kết nối đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, tối ưu về kinh tế, kỹ thuật công trình, đảm bảo an toàn cho các công trình lân cận, không để phát sinh, điều chỉnh thiết kế, trong đó lưu ý bổ sung giải pháp đảm bảo an toàn giao thông tại các vị trí có chầm trước yếu tố kỹ thuật so với tiêu chuẩn thiết kế (nếu có); quản lý chặt chẽ công tác khảo sát thiết kế, khối lượng, chất lượng, tiến độ và chi phí đầu tư xây dựng, bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật, bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả và tuyệt đối không để xảy ra tiêu cực, lãng phí; tổ chức triển khai dự án đảm bảo ATGT, ATLĐ; bảo vệ môi trường theo quy định; bàn giao lại mặt bằng đồ vật liệu dư thừa cho địa phương quản lý (nếu có); Thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư và phối hợp thực hiện giám sát cộng đồng theo quy định hiện hành.

Chủ đầu tư phải phối hợp chặt chẽ với Sở Xây dựng, Ban Quản lý dự án đường sắt để thống nhất hồ sơ thiết kế, giải pháp thực hiện đối với các đoạn tuyến thuộc khu vực ga Lào Cai mới và các vị trí giao cắt với đường sắt để điều chỉnh cho phù hợp, đảm bảo không chồng lấn phạm vi đầu tư, đảm bảo hiệu quả đầu tư các dự án và không xảy ra lãng phí (chỉ triển khai thực hiện các đoạn tuyến này sau khi hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đường sắt được phê duyệt).

2. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định, sự phù hợp mục tiêu, hiệu quả đầu tư dự án; Phối hợp với các cơ quan chuyên môn tăng cường quản lý chất lượng, khối lượng, an toàn lao động và vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện dự án, kịp thời tham mưu biện pháp chấn chỉnh, phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý các tồn tại, hạn chế ảnh hưởng đến chất lượng công trình; Chủ động phối hợp với Ban Quản lý dự án đường sắt thống nhất hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đường sắt, giải pháp thiết kế, hoàn trả (nếu có) đối với đoạn tuyến đường tỉnh 157 thuộc phạm vi ga Lào Cai mới và các vị trí giao cắt để tổ chức thẩm định, hướng dẫn, đôn đốc Chủ đầu tư triển khai đảm bảo quy định.

3. Ủy ban nhân dân các xã, phường: Lào Cai, Phong Hải có trách nhiệm quản lý chặt chẽ việc thực hiện quy hoạch, quản lý đất đai, quản lý xây dựng trên địa bàn nhằm đảm bảo không để xảy ra sai phạm, lấn chiếm, trục lợi chính sách trong quá trình triển khai dự án và quá trình khai thác, sử dụng; chịu trách nhiệm bàn giao mặt bằng cho Chủ đầu tư đảm bảo tiến độ thi công của dự án.

4. Sở Tài chính và các sở, ngành, đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp, hướng dẫn chủ đầu tư triển khai thực hiện dự án theo đúng quy định hiện hành; chịu trách nhiệm về quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực được giao và tiến độ đối với các công việc có liên quan đến quá trình thực hiện dự án đầu tư; tham mưu tổ chức theo dõi, đánh giá, giám sát bảo đảm dự án triển khai đáp ứng tiến độ, tiết kiệm, hiệu quả, không để xảy ra thất thoát lãng phí, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh nếu phát hiện các vấn đề ảnh hưởng đến mục tiêu và hiệu quả của dự án.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan: Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương, Kho bạc Nhà nước khu vực IX; Giám đốc Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh Lào Cai; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường: Lào Cai, Phong Hải và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy (p/h);
- Ban Nội chính Tỉnh ủy (p/h);
- Công an tỉnh;
- Thanh tra tỉnh;
- CVP, PCVP UBND tỉnh(Minh);
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TH(Việt, Hưng), XD(Nam).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phan Trung Bá

PHỤ LỤC
CÁC QUY CHUẨN, TIÊU CHUẨN XÂY DỰNG CHÍNH ÁP DỤNG
Dự án Cải tạo nâng cấp đường tỉnh 157 đoạn Vạn Hòa - Phong Hải
(Km1+000 - Km24+800)
(Kèm theo Quyết định số: 3760 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

Tên tiêu chuẩn, quy chuẩn	Mã hiệu
Tiêu chuẩn áp dụng cho công tác khảo sát	
Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng lưới độ cao	QCVN 11: 2008/BTNMT
Khảo sát cho xây dựng - Nguyên tắc cơ bản	TCVN 4419:1987
Đường ô tô - Tiêu chuẩn khảo sát	TCCS 31:2020/TCĐBVN
Tiêu chuẩn khảo sát thiết kế nền đường ô tô đắp trên đất yếu	TCCS 41:2022/TCĐBVN
Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung	TCVN 9398:2012
Kỹ thuật đo và xử lý số liệu GPS trong trắc địa công trình	TCVN 9401:2024
Áo đường mềm - Xác định mô đun đàn hồi chung của kết cấu bằng cần đo vòng Benkelman	TCVN 8867:2011
Đất xây dựng - Phân loại	TCVN 5746:2024
Đất xây dựng - Phương pháp xác định độ bền nén một trục nở hông	TCVN 9438:2012
Đá xây dựng - Phương pháp xác định độ bền nén trong phòng thí nghiệm	TCVN 10324:2014
Công trình xây dựng - Phân cấp đá trong thi công	TCVN 11676:2016
Và một số Quy chuẩn, Tiêu chuẩn hiện hành	
Tiêu chuẩn áp dụng cho công tác thiết kế	
Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế	TCVN 4054:2005
Thiết kế cầu đường bộ	TCVN 11823:2017
Thiết kế mặt đường bê tông xi măng thông thường có khe nối trong xây dựng công trình giao thông	TCCS 39:2022/TCĐBVN
Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế	TCCS 38:2022/TCĐBVN
Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng	TCVN 13567: 2024
Áo đường mềm - Yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế theo chỉ số kết cấu (SN)	TCCS 37:2022/TCĐBVN
Đường giao thông nông thôn - Yêu cầu thiết kế	TCVN 10380:2014

Tên tiêu chuẩn, quy chuẩn	Mã hiệu
Tính toán các đặc trưng dòng chảy lũ	TCVN 9845:2013
Tính toán các đặc trưng thủy văn thiết kế	TCVN 13615:2022
Thoát nước - mạng lưới và công trình bên ngoài – Yêu cầu thiết kế	TCVN 7957:2023
Thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép	TCVN 5574:2018
Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 2737:2023
Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ	QCVN 41:2024/BGTVT
Và một số Quy chuẩn, Tiêu chuẩn hiện hành	
Tiêu chuẩn áp dụng cho công tác thi công, nghiệm thu	
Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép lắp ghép - Thi công và nghiệm thu	TCVN 9115:2019
Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối - Quy phạm thi công và nghiệm thu	TCVN 4453:1995
Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu -phần 1: Bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường thông thường	TCVN 13567-1:2022
Phương pháp xác định chỉ số CBR của nền đất và các lớp móng đường bằng vật liệu rời tại hiện trường	TCVN 8821:2011
Độ bằng phẳng bằng thước dài 3 mét- Tiêu chuẩn thử nghiệm	TCVN 8864:2011
Mặt đường ô tô - Phương pháp đo và đánh giá xác định độ bằng phẳng theo chỉ số độ gồ ghề quốc tế IRI	TCVN 8865:2011
Mặt đường ô tô - Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát - Tiêu chuẩn thử nghiệm	TCVN 8866:2011
Bê tông nhựa - Phương pháp thử	TCVN 8860-1÷12:2011
Bitum - yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thí nghiệm	TCVN 7493:2005 ÷ TCVN 7504:2005
Thi công trên đường bộ đang khai thác - Tổ chức giao thông và bố trí phòng hộ	TCVN 14661:2026
Quy trình lập thiết kế tổ chức xây dựng và thiết kế thi công	TCVN 4252 :2012
Tổ chức thi công	TCVN 4055:2012
Tường chắn rọ đá trọng lực - Yêu cầu thiết kế, thi công và nghiệm thu	TCCS 13:2016/TCĐBVN
Sơn tín hiệu giao thông - Vật liệu kẻ đường phản quang nhiệt dẻo - Yêu cầu kỹ thuật, phương pháp thử, thi công và nghiệm thu	TCVN 8791:2011
Màn phản quang dùng cho biển báo hiệu đường bộ	TCVN 7887:2018

Tên tiêu chuẩn, quy chuẩn	Mã hiệu
Vật liệu kẻ đường phản quang - Màu sắc - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TCVN 10832:2015
Sơn tín hiệu giao thông - Phương pháp đo hệ số phát sang dưới ánh sáng khuếch tán bằng phản xạ kế cầm tay	TCVN 9274:2012
Trang thiết bị an toàn giao thông đường bộ - Thiết bị dẫn hướng và tấm phản quang - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TCVN 12585:2019
Trang thiết bị an toàn giao thông đường bộ - Dải phân cách và lan can phòng hộ - Kích thước và hình dạng	TCVN 12681:2019
Gờ giảm tốc, gờ giảm tốc trên đường bộ - Yêu cầu thiết kế	TCCS 34:2020/TCĐBVN
Cống hộp bê tông cốt thép	TCVN 9116:2012
Ống bê tông cốt thép thoát nước	TCVN 9113:2012
Nền đường đắp đá - Thiết kế, thi công và nghiệm thu	TCCS 29:2020/TCĐBVN
Xác định độ chặt của đất tại hiện trường bằng phương pháp dao đài	TCVN 12791:2020
Công tác đất - Thi công và nghiệm thu	TCVN 4447:2012
Thí nghiệm xác định độ chặt nền, móng đường bằng phễu rót cát	22TCN 346:2006
Nền đường ô tô - Thi công và nghiệm thu	TCVN 9436:2012
Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô - Vật liệu, thi công và nghiệm thu	TCVN 8859:2023
Sơn bảo vệ kết cấu thép - Thi công và nghiệm thu	TCVN 8790:2011
Và một số Quy chuẩn, Tiêu chuẩn hiện hành	